

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /2014/NQ-HĐND

Nha Trang, ngày 09 tháng 7 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

**Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ  
xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2003/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2021/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi thực hiện**

Việc thu phí trông giữ xe được thực hiện tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng, giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; các kho, bãi của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện giao thông của người sử dụng phương tiện giao thông vi phạm pháp luật.

## **Điều 2. Đối tượng nộp phí, đơn vị thu phí**

### **1. Đối tượng nộp phí**

- a) Người có nhu cầu trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng;
- b) Người sử dụng phương tiện giao thông bị tạm giữ phương tiện giao thông do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

### **2. Đơn vị thu phí**

- a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trông giữ phương tiện;
- b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm giữ phương tiện vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

## **Điều 3. Mức thu phí**

### **1. Mức thu tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện do Nhà nước đầu tư**

- a) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe thông thường và các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ, khu du lịch (trừ các điểm đỗ, bãi trông giữ xe quy định tại Điểm b Khoản này); các kho, bãi của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện giao thông của người sử dụng phương tiện giao thông vi phạm pháp luật:

| <b>Nội dung</b>                                                                                                                 | <b>Mức thu phí</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>1. Phí thu theo lượt ban ngày (từ 06 giờ đến 19 giờ)</b>                                                                     |                    |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 2.000đồng/xe/lượt  |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 4.000đồng/xe/lượt  |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 15.000đồng/xe/lượt |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 20.000đồng/xe/lượt |
| <b>2. Phí thu theo lượt ban đêm (từ 19 giờ đến 06 giờ hôm sau)</b>                                                              |                    |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 3.000đồng/xe/lượt  |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 6.000đồng/xe/lượt  |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 22.000đồng/xe/lượt |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 30.000đồng/xe/lượt |

|                                                                                                                                 |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>3. Phí thu cả ngày và đêm</b>                                                                                                |                         |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 5.000 đồng/ngày và đêm  |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 10.000 đồng/ngày và đêm |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 37.000 đồng/ngày và đêm |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 50.000 đồng/ngày và đêm |
| <b>4. Phí thu theo tháng</b>                                                                                                    |                         |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 60.000 đồng/xe/tháng    |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 120.000 đồng/xe/tháng   |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 450.000 đồng/xe/tháng   |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 600.000 đồng/xe/tháng   |

b) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe tại các bệnh viện, trường học, chợ, chung cư,... là những nơi có nhiều nhu cầu trông giữ phương tiện:

| Nội dung                                                                                                                        | Mức thu phí         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>1. Phí thu theo lượt ban ngày (từ 06 giờ đến 19 giờ)</b>                                                                     |                     |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 1.000 đồng/xe/lượt  |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 3.000 đồng/xe/lượt  |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 12.000 đồng/xe/lượt |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 17.000 đồng/xe/lượt |
| <b>2. Phí thu theo lượt ban đêm (từ 19 giờ đến 06 giờ hôm sau)</b>                                                              |                     |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 2.000 đồng/xe/lượt  |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 5.000 đồng/xe/lượt  |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 18.000 đồng/xe/lượt |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 25.000 đồng/xe/lượt |

|                                                                                                                                 |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>3. Phí thu cả ngày và đêm</b>                                                                                                |                         |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 3.000 đồng/ngày và đêm  |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 8.000 đồng/ngày và đêm  |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 30.000 đồng/ngày và đêm |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 42.000 đồng/ngày và đêm |
| <b>4. Phí thu theo tháng</b>                                                                                                    |                         |
| a) Xe đạp, xe đạp điện, xích lô, ba gác                                                                                         | 30.000 đồng/xe/tháng    |
| b) Xe máy, xe gắn máy                                                                                                           | 90.000 đồng/xe/tháng    |
| c) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người dưới 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải từ 4 tấn trở xuống | 360.000 đồng/xe/tháng   |
| d) Xe ô tô thiết kế dùng để chở người từ 12 chỗ ngồi và xe ô tô thiết kế dùng để chở hàng hóa có trọng tải trên 4 tấn           | 510.000 đồng/xe/tháng   |

Mức thu phí trông giữ xe của học sinh, sinh viên (trừ xe ô tô) tại các trường học trên địa bàn tỉnh bằng 50% mức thu theo quy định trên.

c) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ ô tô có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường: Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào chất lượng điểm, bãi và điều kiện phục vụ, quy định mức thu phí có hệ số điều chỉnh từ 1 đến 3 lần so với các mức thu quy định tại Điểm a, b Khoản này đối với những trường hợp có nhu cầu.

2. Mức thu tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do nhà nước đầu tư: Áp dụng theo mức thu quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Mức thu phí trên đây bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

#### **Điều 4. Quản lý và sử dụng phí**

1. Đối với các cơ quan, đơn vị do nhà nước thành lập: Khoản phí thu được là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

a) Khoản thu phí thuộc ngân sách cấp xã được để lại 100% cho cấp xã để trang trải chi phí cho việc quản lý và thu phí theo chế độ quy định;

b) Khoản thu phí thuộc cơ quan, đơn vị được để lại 100% để trang trải chi phí cho việc quản lý và thu phí theo chế độ quy định; sau khi trừ phần chi phí để phục vụ cho công tác thu phí, số thu còn lại trích 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương, phần kinh phí còn lại được bổ sung vào kinh phí hoạt động của đơn vị. Riêng đối với các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, việc sử dụng thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Đối với cá nhân, doanh nghiệp: Khoản phí thu được là doanh thu của cá nhân, doanh nghiệp thu phí. Cá nhân, doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với khoản phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 15/2003/TT-BTC ngày 07/3/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn khác do Bộ Tài chính ban hành.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2009/NQ-HĐND ngày 15/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa V, kỳ họp thứ 8 thông qua và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh,
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (2 bản);
- Lưu: VT, VN, ĐN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần An Khánh**